

NGŨ VĂN 8 - NỘI DUNG TUẦN 4

TUẦN 4 - TIẾT 13:

TIẾNG VIỆT:

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I. Thế nào là trường từ vựng?

1. Ví dụ (SGK/ 21)

- Các từ: mắt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng
- Đều có nét chung về nghĩa: Chỉ bộ phận cơ thể con người.
- > Tập hợp thành một trường từ vựng.
- > Trường từ vựng: Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

2. Ghi nhớ (SGK/21)

* Lưu ý:

- Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.
VD: Trường từ vựng "mắt" có nhiều trường nhỏ.
- Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.
VD: Thuộc trường " mắt" có DT, ĐT, TT.
- Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.
VD : Ngọt
 - trường mùi vị
 - trường âm thanh
 - trường thời tiết
- Ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật và khả năng diễn đạt (Phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh...)

II. Luyện tập

Bài 1 (SGK/23)

Văn bản trong lòng mẹ của Nguyễn Hồng, các từ thuộc trường từ vựng “người ruột thịt”
:Thầy, mẹ, em , mợ, cô, cháu, mợ, em bé, anh, em, con, bà, họ, cậu

Bài 2 (SGK/23)

- Dụng cụ đánh bắt cá: lưới, nom, vó, câu
- Vật chứa, đựng: tủ, rương, hòm, va li, chai, lọ
- Hoạt động của chân: đá, đạp, giẫm, xéo
- Tâm trạng con người: buồn, vui, sợ hãi, phấn khởi
- Tính cách con người: hiền lành, độc ác, cởi mở
- Bút viết: bút máy, bút bi, phấn, bút chì.

Bài 3 (SGK/ 23)

Các từ in đậm thuộc trường từ vựng:

- Tình cảm, thái độ của con người: hoài nghi, khinh miệt, ruồng rẫy, thương yêu, kính mến, rắp tâm

Bài 4 (SGK/ 32)

Có thể sắp xếp các từ đó vào hai trường từ vựng

Khứu giác	Thính giác
Mùi, thơm, rõ	Nghe, thính, điếc, tai

• DẶN DÒ

- Hoàn thành các bài tập còn lại

2. Xem lại nội dung bài
3. Chẩn bị, đọc trước bài “Lão Hạc”.

TUẦN 4 - TIẾT 14

Tập làm văn:

XÂY DỰNG ĐOẠN TRONG VĂN BẢN

I. Thế nào là đoạn văn?

1. Ví dụ (SGK/34)

VB “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tất đên”.

- VB gồm 2 ý.
- Mỗi ý được viết thành 1 đoạn văn.
- Nhận biết đoạn văn (Đặc điểm đoạn văn)
- Nội dung: Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.
- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa => xuống dòng.

2. Ghi nhớ 1 (SGK/36)

II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn:

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn

* VD SGK/35

VB “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tất đên”.

- Từ ngữ duy trì đối tượng trong đoạn văn:

Đoạn 1: Ngô Tất Tố (ông, nhà văn).

Đoạn 2: Tất đên (tác phẩm)

=> **Từ ngữ chủ đề**

- * Câu then chốt trong đoạn văn.

- Câu 1 (đoạn 2) là câu chủ đề.

- Nhận xét:

+ Về nội dung: Thường mang ý nghĩa khái quát cho cả đoạn văn.

+ Hình thức: Ngắn gọn, đủ hai phần chính: C – V.

+ Vị trí: đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

=> **gọi là câu chủ đề.**

* Ghi nhớ 2: SGK/36

2. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn :

a) Nội dung đoạn văn được trình bày bằng nhiều cách khác nhau.

- Phân tích và so sánh cách trình bày của 2 đoạn trong VB trên.

+ Đoạn 1 : Không có câu chủ đề -> Duy trì đối tượng bằng từ ngữ chủ đề.

Giữa các câu có quan hệ ngang bằng, cùng thực hiện nhiệm vụ giới thiệu về NTTó. -> T/bày theo cách song hành.

+ Đoạn 2 : Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn (Mang ý kh/quát) -> Những câu sau bổ sung ý nghĩa (triển khai) cho câu chủ đề

-> Trình bày theo cách diễn dịch.

b) Đoạn văn :

- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.

- ND : lí giải vì sao lá cây có màu xanh.

-> Trình bày từ ý cụ thể đến ý khái quát -> Cách trình bày qui nạp.

* Ghi nhớ 3 (SGK/ 36)

III. Luyện tập:

Bài 1

Văn bản đã cho có thể chia thành 2 ý, mỗi ý được diễn đạt bằng một đoạn văn:

- Ý 1: Thầy đồ lười lấy văn tế ông thân sinh chép lại đưa chủ nhà tế vợ.

- Ý 2: Sự việc xảy ra và cái vĩa.

Bài 2: Cách trình bày trong các đoạn:

Đoạn văn Vị trí câu chủ đề Cách trình bày nội dung

a. Đầu đoạn diễn dịch

b. Không có song hành

c. Không có song hành

* **DẶN DÒ**

1. Hoàn thành các bài tập còn lại trong SGK.

2. Xem lại nội dung bài.

TUẦN 4 - TIẾT 15,16

Văn bản:

LÃO HẠC

(Nam Cao)

I. Đọc – Tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả

- Nam Cao (1915- 1951)

- Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ.

2. Tác phẩm

- Xuất xứ: Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao.

- Đăng báo lần đầu năm 1943.

- Đoạn trích nằm cuối truyện.

- Thể loại: Truyện ngắn

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Ngôi kể thứ nhất

II. Đọc – Tìm hiểu văn bản:

1. Nhân vật lão Hạc

* **Tâm trạng của lão Hạc khi bán “cậu Vàng”**

- Trước khi bán “cậu Vàng”

+ Nói với ông giáo về ý định bán chó

+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.

- Lí do bán “cậu Vàng”

+ Từ tình yêu thương sâu sắc của người cha dành cho con.

+ Từ tình yêu thương của một con người đối với loài vật.

- Sau khi bán “cậu Vàng”:

+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.

-> Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.

-> Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.

=> Là con người sống tình nghĩa, thủy chung, một người cha yêu thương con sâu sắc muốn dành dụm tất cả những gì có thể cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc, một con người có nhân cách cao quý.

2. Cái chết của lão Hạc

- Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình:

+ Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.

+ Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.

- Chuẩn bị âm thầm, chu đáo.

-> Lão Hạc chủ động và tự nguyện tìm đến cái chết.

=> Là một người cha hết lòng vì con. Là người sống chu đáo, giàu lòng tự trọng.

3. Nhân vật ông giáo

*** Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc**

- Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bù ngùi...

- Giấu giếm vợ giúp lão Hạc.

- Tôn trọng, cảm thông, xót thương tình cảnh của lão Hạc.

*** Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:**

- Thâm trầm triết lý nhân sinh.

- Thâm trầm, sâu sắc.

=> Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.

4. Thái độ của tác giả

- Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực thương yêu con muốn vun đắp dành dụm tất cả cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc.

- Trân trọng ca ngợi vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong cảnh khốn cùng mà vẫn giàu lòng tự trọng, khí khái.

III. Tổng kết

- **Nội dung:** Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người.

- Nghệ thuật

- Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.

- Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.

- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

*** DẶN DÒ**

1. Đọc lại văn bản.

2. Đọc kĩ và nắm nội dung bài học.

3. Chuẩn bị bài Từ tượng hình, từ tượng thanh.